

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-PT

Ngày 27/02/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Bình

Ông Nguyễn Văn Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Đinh Ê Ban Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 01/2024/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Trần Văn N, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Văn N, sinh ngày 24/01/1963 tại huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần C, sinh năm 1929 (đã chết) và bà Dương Thị K, sinh năm 1932 (đã chết); Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình. Tiền án; tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt. Bị cáo tại ngoại. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 21/02/2023, Trần Quang V điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 43H-021.83 kéo theo rơ moóc biển kiểm soát 43R-035.85 vận chuyển 34,606 tấn sắt xây dựng đi từ cảng Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến huyện P, tỉnh Gia Lai. Đến khoảng 02 giờ 15 phút ngày 22/02/2023 khi đang lưu thông đến Km 349 + 900 đường Quốc lộ Trường Sơn Đông, đoạn qua thôn 9, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai theo hướng từ UBND xã Y đi xã C thì V phát hiện phía trước có xe ô tô biển kiểm soát 77H-034.25 do Bùi Văn T điều khiển đang vận chuyển 136 bao xi măng (có tổng trọng lượng 6,850 tấn) đang lưu thông cùng chiều. Quan sát phía trước không có xe ngược chiều nên V bật đèn xi nhan và bấm còi xin vượt đồng thời điều khiển xe vượt về bên trái ô tô biển kiểm soát 77H-034.25. Khi xe của V vượt lên 1/2 xe ô tô tải biển kiểm soát 77H-034.25 thì V phát hiện trên đoạn cua phía trước (cách vị trí xe của V 126 mét) có xe ô tô biển kiểm soát 37C-215.22 do Trần Văn N điều khiển đang vận chuyển 22,240 tấn mì tươi di chuyển ngược chiều đang đi xuống dốc. Lúc này V bấm còi và báo hiệu đèn pha, cốt để cảnh báo cho xe phía trước biết và tiếp tục đạp chân ga để vượt qua xe tải cùng chiều. Khi xe của V vượt qua xe cùng chiều khoảng 01m, chuẩn bị đi về đúng làn đường nhưng do xe ngược chiều đến nhanh nên V đạp chân thắng dừng xe, cùng lúc này xe ô tô biển kiểm soát 37C-215.22 do Trần Văn N điều khiển vừa đến tông vào xe của V. Đối với Trần Văn N khi điều khiển xe đi xuống dốc qua đoạn đường cong đã phát hiện có xe ô tô đi ngược chiều đang lên dốc và vượt xe khác cách 98,3m nhưng không nhường đường mà đi tiếp tục đi được đoạn đường 40,15m thì N mới đạp phanh nhưng do chở quá tải trọng quy định nên khi phanh được 34,55m nhưng xe ô tô vẫn không dừng lại dẫn đến tai nạn. Sau tai nạn, xe ô tô của N điều khiển đẩy xe ô tô đầu kéo do V điều khiển về phía sau rồi tiếp tục va chạm với xe ô tô biển kiểm soát 77H-034.25 do Bùi Văn T điều khiển. Hậu quả 03 xe ô tô bị cháy và hư hỏng 15.150 kilôgam xi măng Vicem Hoàng Thạch.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Hiện trường vụ tai nạn giao thông là đoạn đường thẳng, dốc theo hướng từ UBND xã Y đi UBND xã Ch, mặt đường được rải nhựa, được chia thành hai làn đường riêng biệt, ở giữa có vạch kẻ đứt quãng màu vàng, độ rộng mặt đường 5,9 mét; lề đường bên phải 0,8 mét; lề đường bên trái 0,7 mét.

Lấy trụ điện 473/AKH/410 làm điểm mốc và lấy mép đường bên phải tính theo hướng từ UBND xã Ch đi UBND xã Y làm mép đường chuẩn. Đo từ trụ điện 473/AKH/410 hướng về xã Y 12 mét và cách mép đường làm chuẩn 1,15 mét là vết phanh liền mạch có kích thước (34,55 x 0,2) mét được đánh dấu (1) có chiều hướng từ UBND xã Ch đi UBND xã Y, và cách mép đường làm chuẩn lần lượt là 1,15 mét và 1,25 mét. Cách trụ điện 473/AKH/410 về hướng UBND xã Y 42 mét là vết cày (2). Vết (2) là vết cày liền mạch có diện (8,7 x 0,09 x 0,045) mét và có chiều hướng từ xã Ch đi xã Y, đầu và đuôi vết (2) cách mép đường làm chuẩn lần lượt là 1,65 mét và 2,7 mét. Từ đuôi vết cày (2) đo về hướng đi từ xã Y đi xã Ch 8,9 mét và hướng vào tim đường là tâm diện vết cày được đánh số (3). Vết (3) có 05 vết cày liền mạch dạng hình cung, vết ngắn nhất là 1,68 mét và vết dài nhất là 2,32 mét; các vết cày cách nhau 17cm có chiều hướng từ xã Ch đi xã Y. Tâm đầu và tâm đuôi vết (3) đo vào mép đường làm chuẩn lần lượt là 2,78 mét; 3,20 mét. Cách tâm đuôi vết (3) 6,3m hướng xã Y và mép đường không làm chuẩn là trục sau bên trái của xe ô tô biển kiểm soát 37C-215.22 được đánh số (4). Xe (4) có chiều hướng đầu quay về hướng xã Y và lề đường không làm chuẩn, đuôi xe theo hướng ngược lại, tâm trục bánh trước và tâm trục bánh sau bên trái cách mép đường làm chuẩn lần lượt là 7,6 mét và 4,6 mét, trục trước bên trái nằm lọt xuống mương thoát nước. Cách tâm trục bánh sau bên phải xe (4) 5,3 mét là tâm trục bánh trước bên trái xe đầu kéo 43H-021.84 kéo theo rơ moóc 43R- 035.85 được đánh số (5) có phần đầu kéo có chiều hướng quay về hướng lề đường không làm chuẩn và hướng đi xã Y, đuôi xe quay theo hướng ngược lại. Tâm trục bánh trước bên trái cánh mép đường làm chuẩn 3,45 mét, tâm trục bánh sau bên trái nằm trên mép đường làm chuẩn; Phần đầu rơ moóc hướng về xã Ch và vào lề đường làm chuẩn, phần đuôi quay hướng ngược lại, tâm phần kết nối giữa rơ moóc và đầu kéo cách mép đường làm chuẩn 0,2 mét; Tâm trục bánh sau bên trái rơ moóc cách mép đường làm chuẩn 1,4 mét. Cách tâm trục bánh sau bên trái rơ moóc 43R- 035.85 hướng về mép đường không làm chuẩn và hướng đi xã Y 6,35 mét là tâm trục sau bánh xe bên trái của xe ô tô 77H - 034.25 được đánh số (6) có chiều hướng đầu đi xã Ch, đuôi quay về hướng ngược lại, tâm trục bánh trước và bánh sau bên trái cách mép đường làm chuẩn lần lượt là 6,4 mét và 6 mét. Đo từ tâm trục bánh trước bên trái xe (4) đến tâm trục bánh trước bên phải xe (6) là 4,30 mét. Đo từ tâm

trục bánh trước bên phải xe (6) đến tâm trục bánh trước bên trái xe đầu kéo (5) đo được 5,7mét. Tại hiện trường 03 đầu xe đã bị cháy trơ khung. Cách trục sau bên trái xe (6) hướng về xã Y 100 mét là đoạn đường cong có vạch kẻ đường màu vàng liền nét ở giữa. Cách trục sau bên trái xe (6) hướng về xã Y 165mét là biển báo đoạn đường cong. Từ đầu vết (1) đo về hướng UBND xã Ch 17 mét là đoạn đường cong có vạch kẻ đường màu vàng liền nét ở giữa. Cách tâm trục sau bên trái xe (4) 24 mét hướng về UBND xã Ch có đặt biển báo hiệu đường cong. Cách trục sau bên trái xe (4) hướng về xã Ch 324mét là biển báo hiệu độ dốc 10%. Từ đầu vết cày (1) đo về hướng xã Y 32,4 mét là biển báo giao nhau với đường không ưu tiên.

Kết quả khám nghiệm phương tiện xác định:

Xe ô tô biển kiểm soát 77H-034.25 sau tai nạn, phần ca bin, động cơ bị cháy hoàn toàn để lại khung kim loại; lớp trước và trục xe bên phải bị cháy, để lại kim loại; Tại lớp 2 và trục 2 bên phải bị cháy một phần; Tại 02 lớp trước và trục 1, trục 2 bên trái bị cháy hoàn toàn để lại kim loại; Phần thùng xe bị cháy 1/3 phía trước; phần thùng xe bên trái bị móp méo, biến dạng chiều hướng từ ngoài vào trong.

Xe ô tô biển kiểm soát 43H-021.84 sau tai nạn phần ca bin bị cháy hoàn toàn để lại khung kim loại và bung rời khỏi vị trí ban đầu; Phần sắt xi, gầm xe bị móp méo, gãy kim loại, cong vênh từ trước ra sau, từ trái sang phải dài 2,3 mét; phần động cơ bung rời khỏi vị trí định vị ban đầu; 02 lớp trước và 02 trục xe phía trước bị cháy để lại phần kim loại. Phần rơ moóc biển kiểm soát 43R-935.85 phía trước bị móp méo, vỡ kim loại trong diện (1,8 x 0,75)mét chiều hướng từ sau ra trước, từ dưới lên trên; phần bên phải cách đầu thùng 2,4mét bị cháy để lại khung kim loại trong diện (10,1 x 2,6)mét; phần cản bên phải bị cháy, móp méo, cong vênh kim loại chiều hướng từ ngoài vào trong; 02 lớp xe cửa bị cháy; 03 lớp và 03 trục sau bên phải bị cháy hoàn toàn để lại khung kim loại; cản sau bên phải bị móp, cong vênh; nắp thùng sau bên trái bị bung rời khỏi vị trí định vị ban đầu.

Xe ô tô biển kiểm soát 37C-215.22 sau tai nạn phần ca bin bị móp méo, biến dạng cháy hoàn toàn để lại khung kim loại; cản trước và hệ thống làm mát móp méo, gãy kim loại, biến dạng hoàn toàn; phần sắt xi phía dưới hai bên bị cong vênh biến dạng từ trước ra sau, từ phải sang trái dài 2,6 mét; 02 lớp trước

và 02 trục trước bên trái bị cháy rụi để lại khung kim loại; phần mặt trước thùng xe bị cháy, móp méo, gãy kim loại diện (2,4 x 2,5)mét; thùng xe bên trái bị cháy trong diện (6 x 2,4)mét.

Kết quả giám định kỹ thuật an toàn xác định: Xe ô tô biển kiểm soát 37C-215.22 tại thời điểm giám định không đảm bảo an toàn kỹ thuật (kích thước lòng thùng xe: không đúng theo tài liệu kỹ thuật (cơ sở thùng xe thêm 1,4 mét chiều dài); bửng sau có gắn thêm hệ thống nâng hạ: không đúng theo tài liệu kỹ thuật). Đối với xe ô tô biển kiểm soát 77H-034.25 và xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 43H-021.84 tại thời điểm giám định hệ thống phanh, lái, treo, lốp ... đầy đủ (trừ các chi tiết hư hỏng do tai nạn giao thông và cháy gây ra).

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 20/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự huyện K xác định: Tổng giá trị thiệt hại về tài sản là 2.125.330.000 đồng. Trong đó giá trị thiệt hại của xe ô tô biển kiểm soát 37C-215.22 là 550.000.000 đồng; Giá trị thiệt hại của xe ô tô biển kiểm soát 77H-034.25 là 342.000.000 đồng; Giá trị thiệt hại của xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 43H-021.84 là 1.070.000.000 đồng; Giá trị thiệt hại của rơ moóc biển kiểm soát 43R-035.85 là 130.000.000 đồng; Giá trị thiệt hại của 15.150 kilôgam xi măng Vicem Hoàng Thạch là 33.330.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định khi điều khiển xe gây tai nạn Trần Văn N có giấy phép lái xe hạng D; Trần Quang V có giấy phép lái xe hạng FC phù hợp với loại xe mà N và V điều khiển.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn N và Trần Quang V phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 36 (ba sáu) tháng tù, Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Quang V 24 (hai bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 48 (bốn tám) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 24/11/2023).

Giao bị cáo Trần Quang V cho Ủy ban nhân dân phường Hoà Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định pháp luật.

3. Kháng cáo của bị cáo: Ngày 30/11/2023 bị cáo Trần Văn N có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Bị cáo Trần Quang V không kháng cáo. Bản án không bị kháng nghị.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo là bị cáo Trần Văn N vắng mặt.

Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định tiếp tục xét xử.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa công bố nội dung kháng cáo của bị cáo.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 351, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt bị cáo và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn N nộp trong hạn luật định, nội dung kháng cáo thuộc phạm vi giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm, nên được xem xét.

[2] Về sự có mặt của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn N được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt mà không cung cấp tài liệu gì để xác định có lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Mặt khác, bị cáo chỉ kháng cáo xin

hưởng án treo, sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại đến việc xét xử. Căn cứ điểm b, điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt bị cáo N.

[3] Về kháng cáo của bị cáo Trần Văn N:

Theo nội dung đơn kháng cáo thì bị cáo xin được hưởng án treo với lý do được tóm tắt như sau: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với cơ quan Công an, chủ động bồi thường thiệt hại sau khi cơ quan có thẩm quyền xác định rõ, gia đình khó khăn nên bị cáo phải thường xuyên chạy xe đường dài để kiếm sống, vợ bị cáo thường xuyên đau ốm phải vào viện điều trị, gia đình bị cáo có công với cách mạng.

Kèm theo kháng cáo bị cáo cung cấp: 01 Đơn xin bãi nại của bị hại Lê Tấn Hùng và các tài liệu thể hiện những người có mối quan hệ với người thân của bị cáo là người có công với cách mạng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo bị xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm c khoản 3 Điều 260 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm, thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng, Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo mức hình phạt 03 năm tù là đã khoan hồng đối với bị cáo. Việc cho bị cáo được hưởng án treo là có khả năng ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Do đó, kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận. Cấp phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai về phần hình phạt.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 36 (ba sáu) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Bị cáo Trần Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- CQCSĐT huyện K;
- VKSND huyện K;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Lưu VT, THS, hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hồng